

Bản án số: 69/2025/DS-ST
Ngày 24-3- 2025
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 849/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Kim H1 - Sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Đỗ Hồng H2 – sinh năm 1979 (có mặt).

Ông Lâm Thanh T – sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ngô Kim H1 trình bày:

Trước đây do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng bà Đỗ Hồng H2 và ông Lâm Thanh T có tham gia chơi hui do bà làm chủ hui, tổng cộng 07 chung hui ở 05 dây hui, loại hui 1.000.000 đồng và loại hui 500.000 đồng. Sau khi hốt hui sống thì vợ chồng bà H2, ông T không đóng hui chết lại cho bà, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hui mở ngày 20/8/2019 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng,

một tháng khui một lần, dây này có 44 chung, vợ chồng bà H2, ông T tham gia 02 chung và đã hốt, sau khi hốt, bà H2 và ông T còn nợ lại bà số tiền hui chết là 02 chân x 13 lần x 1.000.000 đồng = 26.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hui mở ngày 30/3/2020 âm lịch, loại hui 500.000 đồng, một tháng khui hai lần (khui vào ngày 15 và 30 hàng tháng), dây này có 58 chung, vợ chồng bà H2, ông T tham gia 01 chung và đã hốt, sau khi hốt, bà H2 và ông T còn nợ lại bà số tiền hui chết là 01 chân x 20 lần x 500.000 đồng = 10.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Hui mở ngày 10/02/2021 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây này có 48 chung, vợ chồng bà H2, ông T tham gia 04 chung và đã hốt, dây hui này hiện nay đã mãn. Sau khi hốt, bà H2 và ông T bà H2 và ông T còn nợ lại bà số tiền 04 chân x 35 lần x 1.000.000 đồng = 140.000.000 đồng.

Do bà H2 không đóng tiền hui chết nên từ ngày 28/5/2022 al đến ngày 28/02/2023 bà H1 có hỏi vay dùm ông T và bà H2 số tiền 70.000.000 đồng để lấp tiền hui của ông T, bà H2 nhưng bà không yêu cầu đối với số tiền 70.000.000 đồng này do tiền vay này đã nằm trong khoản nợ hui bà H2 và ông T nợ bà.

Bà thừa nhận bà H2, ông T có trả cho bà được 31.000.000 đồng tiền nợ hui bằng tiền mặt và chuyển khoản qua con của bà H1 là Phạm Minh Hoài, bà đồng ý đối trừ.

Tổng cộng tiền hui bà H2 và ông T còn nợ bà là 176.000.000 đồng nhưng đối trừ số tiền bà H2 đã trả 31.000.000 còn nợ lại 145.000.000 đồng, bà yêu cầu bà H2 và ông T phải trả cho bà 145.000.000 đồng và lãi suất đối với số tiền bà vay dùm bà H2, ông T từ ngày 28/02/2023 al đến ngày 28/02/2025 theo quy định của pháp luật là 70.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 24 tháng = 27.888.000 đồng. Tổng lãi và gốc là 172.888.000 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Hồng H2 trình bày: Bà không thống nhất với lời trình bày của bà H1. Bà chỉ thừa nhận còn nợ bà H1 ở dây hui mở ngày 10/02/2021 là 140.000.000 đồng. Bà H2 xác định bà có trả cho bà H1 được số tiền nợ hui là 31.000.000 đồng, bà yêu cầu đối trừ.

Đối với dây hui mở ngày 20/8/2019 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, bà và ông T không có tham gia dây hui này.

Đối với dây hui mở ngày 30/3/2020 âm lịch, loại hui 500.000 đồng, một tháng khui hai lần (khui vào ngày 15 và 30 hàng tháng), dây này có 58 chung, vợ chồng bà H2, ông T tham gia 01 chung và đã hốt, sau khi hốt, bà H2 và ông T đã đóng lại toàn bộ hui chết, không còn nợ ở dây hui này.

Đối với giấy vay tiền bà H1 cung cấp trong hồ sơ, số tiền 70.000.000 đồng bà H2 thừa nhận đó là chữ ký của bà H2, bà và ông T nhờ bà H1 vay dùm vợ chồng bà 70.000.000 đồng để lấp tiền nợ hui của vợ chồng bà. Bà đồng ý trả lãi cho bà H1 đối với số tiền 70.000.000 đồng theo lãi suất Nhà nước quy định.

Nay bà thừa nhận bà và ông T chỉ còn nợ bà H2 số tiền (140.000.000 đồng –

31.000.000 đồng = 109.000.000 đồng), bà đồng ý cùng với ông T trả cho bà H1 số nợ 109.000.000 đồng và lãi suất là 27.888.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đề nghị: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đúng quy định, riêng bị đơn ông Lâm Thanh T chưa thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim H1 buộc bà Đỗ Hồng H2 và ông Lâm Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Kim H1 số tiền nợ hui là 109.000.000 đồng và số tiền lãi 27.888.000 đồng, tổng cộng là 136.888.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Kim H1 về việc yêu cầu bà H2 và ông T trả số tiền 36.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lâm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim H1, thấy rằng:

Các đương sự đều thống nhất xác định: Tại đây hui thứ ba: Hui mở ngày 10/02/2021 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, đây này có 48 chung, vợ chồng bà H2, ông T tham gia 04 chung và đã hót, sau khi hót, bà H2 và ông T còn nợ lại bà H1 số tiền 04 chân x 35 lần x 1.000.000 đồng = 140.000.000 đồng. Các bên đương sự cũng thừa nhận việc bà H2 và ông T có trả cho bà H1 được 31.000.000 đồng, bà H1 đồng ý đối trừ số tiền này cho bà H2, ông T. Các nội dung trên là thực tế có xảy ra và được các bên đương sự thừa nhận.

Các đương sự đang tranh chấp đối với đây hui mở ngày 20/8/2019 al và đây hui mở ngày 30/3/2020 al, Hội đồng xét xử xét thấy:

Dây hui thứ nhất: Hui mở ngày 20/8/2019 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, đây này có 44 chung, bà H1 cho rằng vợ chồng bà H2, ông T tham gia 02 chung và đã hót, sau khi hót còn nợ bà số tiền hui chết là 02 chân x 13 lần x 1.000.000 đồng = 26.000.000 đồng. Bà H2 và ông T cho rằng bà H2, ông T không có tham gia đây hui này. Bà H1 cung cấp cho Tòa án đơn xin xác nhận đứng tên Ngô Kim H1 đề ngày 03/02/2025, các ông bà Đinh Hồng Thái, Đinh Mỹ Phương, Đinh Thanh Dân, Nguyễn Minh Luân, Nguyễn Tùng Vân, Nguyễn Mai Linh, Lương Bé Ba, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Thị Nhiên, Nguyễn Minh Phụng xác định ông T, bà H2 có tham gia đây hui trên với 02 phần hui. Tòa án cũng đã tiến hành làm việc với các hui viên trên, các hui viên xác định bà H2, ông T có tham gia đây hui này nhưng không xác định được bà H2 ông T hót hui ở ký thứ mấy và còn nợ lại bao nhiêu lần hui chết. Xét thấy bà H1 cho rằng bà H2 và ông T còn nợ đây hui này số tiền 26.000.000 đồng nhưng việc việc hót hui, giao hui bà H1 không làm biên nhận, mặc dù bà H1 có ghi chép sổ sách nhưng sổ sách

là tự bà H1 ghi, bà H2 và ông T không thừa nhận do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số nợ 26.000.000 đồng ở đây hội này.

Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 30/3/2020 âm lịch, loại hội 500.000 đồng, một tháng khui hai lần (khui vào ngày 15 và 30 hàng tháng), dây này có 58 chung, bà H1 cho rằng vợ chồng bà H2, ông T tham gia 01 chung và đã hót, sau khi hót, bà H2 và ông T còn nợ lại bà số tiền 01 chân x 20 lần x 500.000 đồng = 10.000.000 đồng. Bà H2 trình bày đối với dây hội này bà và ông T tham gia 01 chung và đã hót, sau khi hót, bà H2 và ông T đã đóng hội chết lại đây đủ không còn nợ ở dây hội này. Xét thấy bà H1 cho rằng bà H2 và ông T còn nợ dây hội này số tiền 10.000.000 đồng nhưng ngoài sổ hội do bà H2 tự ghi thì bà H1 không có chứng cứ gì chứng minh, trong khi bị đơn không thừa nhận còn nợ hội, việc hót hội, giao hội không làm giấy tờ, biên nhận gì do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số nợ 10.000.000 đồng ở đây hội này.

[3] Tổng số nợ hội bà H2, ông T còn nợ bà H1 là 140.000.000 đồng. Bà H1 thừa nhận bà H2, ông T có trả cho bà H1 được 31.000.000 đồng tiền nợ hội bà đồng ý đối trừ, do đó số tiền hội bà H2, ông T có nghĩa vụ trả cho bà H1 là 140.000.000 đồng – 31.000.000 đồng = 109.000.000 đồng

[4] Đối với lãi suất tại phiên tòa bà H1 yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng x 24 tháng (từ ngày 28/02/2023 al đến ngày khởi kiện 28/02/2025 (theo sự tự nguyện của bà H1), cụ thể: 70.000.000 đồng x 24 tháng x 1,66%/tháng = 27.888.000 đồng).

Như vậy tổng số vốn và lãi bà H2 và ông T có nghĩa vụ trả cho bà H1 là 109.000.000 đồng + 27.888.000 đồng = 136.888.000 đồng.

Xét nghĩa vụ trả nợ, mặc dù các giao dịch hội đều do bà H2 trực tiếp thực hiện với bà H1 nhưng bà H2 và ông T là vợ chồng đang sống chung với nhau, giao dịch hội giữa bà H2 và bà H1 là giao dịch trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H2 và ông T vì vậy buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng với bà H2 trả số tiền hội cho bà H1 là có cơ sở.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà H1 được chấp nhận một phần nên bà H2 và ông T phải chịu án phí 5% tương ứng với số tiền phải trả cho bà H1 (136.888.000 x 5% = 6.844.000 đồng). Bà H1 không được chấp nhận số tiền 36.000.000 đồng nên bà H1 phải chịu án phí (5%.x 36.000.000 đồng = 1.800.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 91, khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NDD-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim H1. Buộc bà Đỗ Hồng H2 và ông Lâm Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Kim H1 số tiền 109.000.000 đồng tiền nợ gốc và 27.888.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 136.888.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H1 cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bà H2 và ông T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Kim H1 về việc yêu cầu bà H2 và ông T trả số tiền 36.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Hồng H2 và ông Lâm Thanh T phải chịu là 6.844.000 đồng (chưa nộp).

Bà Ngô Kim H1 phải chịu là 1.800.000 đồng, bà H1 đã dự nộp 6.150.000 đồng theo biên lai số 0002301 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi, bà H1 được nhận lại 4.350.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H1, bà H2 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Chuộng

Nguyễn Kim Kết

Lâm Ngọc Trâm

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Trâm